TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 05/2014
CHUYÊN NGÀNH : ĐIỀU DƯỠNG
ÔN THI : MÔN 3 (KHOA HỌC MÁC _LÊNIN & TTHCM

Thời Gian: 13H00 - 18/05/2014

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	162263670	Phạm Thị Ngọc	An	K16YDD	07/12/1992	8.8	Tám Phẩy Tám	
2	162263671	Bùi Thị Kim	Anh	K16YDD	07/03/1992	8.5	Tám Phẩy Năm	
3	162263672	Nguyễn Thị Minh	Châu	K16YDD	09/09/1992	9.0	Chín	
4	162317274	Lê Thị Thanh	Diệu	K16YDD	01/07/1992	8.5	Tám Phẩy Năm	
5	162263674	Trần Thị Thuỳ	Dung	K16YDD	16/05/1992	9.0	Chín	
6	162267317	Cao Thị Thu	Hằng	K16YDD	16/04/1992	7.5	Bảy Phẩy Năm	
7	162263675	Đỗ Thị	Hiền	K16YDD	10/01/1992	8.0	Tám	
8	162263677	Trần Thị Thu	Hương	K16YDD	15/09/1992	9.0	Chín	
9	162267263	Trần Thị Mỹ	Hương	K16YDD	18/07/1992	9.0	Chín	
10	162267475	Hồ Thị	Huyền	K16YDD	08/02/1992	8.0	Tám	
11	162263678	Nguyễn Thị Diệu	Khanh	K16YDD	16/10/1992	7.0	Bảy	
12	162354022	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	K16YDD	09/08/1991	8.5	Tám Phẩy Năm	
13	162266930	Nguyễn Thị Xuân	Lộc	K16YDD	23/08/1992	8.0	Tám	
14	162263680	Vũ Thị Kim	Nga	K16YDD	11/05/1992	9.0	Chín	
15	162267354	Lê Thị Việt	Nga	K16YDD	08/11/1992	6.5	Sáu Phẩy Năm	
16	162524306	Huỳnh Thị	Nở	K16YDD	18/04/1992	8.0	Tám	
17	162263683	Nguyễn Phạm Thị	Quỳnh	K16YDD	05/05/1992	8.0	Tám	
18	162263684	Trần Thị	Thảo	K16YDD	10/12/1992	8.0	Tám	
19	162314712	Nguyễn Hương Hoài	Thu	K16YDD	13/05/1992	8.5	Tám Phẩy Năm	
20	162267177	Đặng Thị Thanh	Thương	K16YDD	10/03/1992	8.5	Tám Phẩy Năm	
21	162263687	Nguyễn Thanh	Tuyền	K16YDD	05/08/1992	8.5	Tám Phẩy Năm	
22	162267620	Trần Thị	Tuyền	K16YDD	06/08/1992	9.0	Chín	

à Nẵng, ngày 28 tháng 05 năm 20

LẬP BẢNG | **TRƯỞNG BAN THƯ KÝ** | **T.HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNT**

TS. Nguyễn Phi Sơn | **TS. Võ Thanh Hải**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 05/2014
NGÀNH : CAO ĐẲNG ANH VĂN
ÔN THI : MÔN 3 (KHOA HỌC MÁC _LÊNIN & TTHCM

Thời Gian: 8H00 - 18/05/2014

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	171685243	Nguyễn Thái	An	K17NCD	26/06/1993	7.0	Bảy	
2	171685245	Lê Duy	Anh	K17NCD	19/08/1993	7.0	Bảy	
3	171685247	Vũ Thị Thục	Anh	K17NCD	26/05/1992	5.5	Năm Phẩy Năm	
4	171685244	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	K17NCD	12/01/1992	8.0	Tám	
5	171685246	Đặng Thị Cẩm	Anh	K17NCD	14/09/1993	7.0	Bảy	
6	171685251	Nguyễn Thị Kim	Chung	K17NCD	26/12/1993	7.0	Bảy	
7	171685252	Phạm Đình	Đại	K17NCD	06/12/1992	5.5	Năm Phẩy Năm	
8	171685254	Lê Lam	Hà	K17NCD	09/09/1993	5.5	Năm Phẩy Năm	
9	171685255	Trần Thị Thu	Hà	K17NCD	29/10/1993	5.5	Năm Phẩy Năm	
10	171685253	Phùng Thị Thu	Hà	K17NCD	18/08/1993	5.5	Năm Phẩy Năm	
11	171685257	Trần Việt	Hằng	K17NCD	16/03/1993	8.0	Tám	
12	171685258	Hồ Thị Mỹ	Hạnh	K17NCD	30/09/1992	7.0	Bảy	
13	171685260	Huỳnh Thị Kim	Hiếu	K17NCD	16/05/1993	8.0	Tám	
14	171685261	Võ Thị	Hoà	K17NCD	20/06/1993	8.0	Tám	
15	171685264	Lương Thị Bảo	Lan	K17NCD	02/04/1992	8.0	Tám	
16	171685265	Lê Nhất	Linh	K17NCD	08/04/1993	6.0	Sáu	
17	171685266	Phan Đức	Lộc	K17NCD	09/02/1993	5.5	Năm Phẩy Năm	
18	171685268	Lê Thị	Lý	K17NCD	13/10/1992	8.0	Tám	
19	171685271	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	K17NCD	18/09/1993	7.0	Bảy	
20	171685272	Hồ Thị Bích	Ngọc	K17NCD	20/02/1992	7.0	Bảy	
21	171688967	Huỳnh Thị Ánh	Ngọc	K17NCD	01/01/1993	8.0	Tám	
22	171685273	Tiêu Nguyễn Hồng	Ngọc	K17NCD	16/09/1993	7.0	Bảy	
23	171685279	Nguyễn Thị Kim	Oanh	K17NCD	24/10/1993	8.0	Tám	
24	171685281	Vương Thảo	Quyên	K17NCD	20/07/1993	8.0	Tám	
25	171688964	Phạm Thị	Sang	K17NCD	03/11/1993	8.0	Tám	
26	171685285	Lê Thị Xuyên	Thanh	K17NCD	08/11/1993	7.0	Bảy	
27	171685286	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	K17NCD	09/07/1991	8.0	Tám	
28	171685287	Đoàn Thị Kim	Thanh	K17NCD	11/10/1993	7.0	Bảy	
29	171685291	Nguyễn Thị Thu	Thảo	K17NCD	20/04/1993	8.0	Tám	
30	171685289	Lê Thị Thu	Thảo	K17NCD	18/07/1993	8.0	Tám	
31	171685293	Nguyễn Lê Trí	Thịnh	K17NCD	16/12/1992	8.0	Tám	
32	171685295	Trần Thị Anh	Thư	K17NCD	24/09/1993	7.0	Bảy	
33	171685296	Trần Thị	Thuận	K17NCD	08/03/1992	7.0	Bảy	
34	171685299	Trương Thị Thanh	Thủy	K17NCD	27/11/1993	9.0	Chín	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 05/2014
NGÀNH : CAO ĐẲNG ANH VĂN
ÔN THI : MÔN 3 (KHOA HỌC MÁC _LÊNIN & TTHCM

Thời Gian: 8H00 - 18/05/2014

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
35	171685300	Trần Thùy	Trâm	K17NCD	24/01/1993	6.0	Sáu	
36	171685302	Lê Thị Huyền	Trang	K17NCD	20/09/1993	7.0	Bảy	
37	171685305	Mai Thị Loan	Trinh	K17NCD	31/10/1993	8.0	Tám	
38	171685307	Nguyễn Thị Mi	Tuyền	K17NCD	13/01/1993	6.0	Sáu	
39	171685308	Trần Thị Huỳnh Ánh	Tuyết	K17NCD	05/03/1993	6.0	Sáu	
40	171685310	Lê Ngô Khánh	Vy	K17NCD	22/08/1993	6.0	Sáu	

à Nẵng, ngày 28 tháng 05 năm 20

LẬP BẢNG | **TRƯỞNG BAN THƯ KÝ** | **T.HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNT**

TS. Nguyễn Phi Sơn | **TS. Võ Thanh Hải**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 05/2014
NGÀNH : CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG
ÔN THI : MÔN 3 (KHOA HỌC MÁC _LÊNIN & TTHCM

Thời Gian: 8H00 - 18/05/2014

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	171265311	Nguyễn Bữu Trường	An	K17YCD	25/11/1991	7.0	Bảy	
2	171265312	Nguyễn Thị Đào	Anh	K17YCD	12/08/1993	6.3	Sáu Phẩy Ba	
3	171265313	Nguyễn Thị Lan	Anh	K17YCD	17/01/1993	7.0	Bảy	
4	171265315	Lê Thị Trâm	Anh	K17YCD	26/01/1992	8.3	Tám Phẩy Ba	
5	171265316	Nguyễn Thị Vân	Anh	K17YCD	20/12/1992	8.0	Tám	
6	171265317	Võ Hoài	Bảo	K17YCD	24/03/1993	5.5	Năm Phẩy Năm	
7	171265318	Y Thin	Byă	K17YCD	26/10/1990	8.0	Tám	
8	171268734	Nay	Cher	K17YCD	20/09/1993	7.0	Bảy	
9	171265319	Bùi Thị Bích	Chi	K17YCD	17/11/1993	9.0	Chín	
10	171265320	Nguyễn Thị	Chính	K17YCD	29/06/1992	8.0	Tám	
11	171265321	Trần Thị	Đào	K17YCD	15/02/1993	6.0	Sáu	
12	171265323	Ngô Thị Thúy	Diễm	K17YCD	09/01/1993	8.0	Tám	
13	171265324	Phan Thị Trúc	Diệu	K17YCD	20/06/1993	7.0	Bảy	
14	171265325	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	K17YCD	01/04/1992	8.0	Tám	
15	171265326	Hà Thị	Duyên	K17YCD	27/10/1993	9.0	Chín	
16	171265327	Nguyễn Thị	Duyên	K17YCD	04/04/1993	6.0	Sáu	
17	171265328	Phan Thị Thu	Hà	K17YCD	10/06/1993	8.0	Tám	
18	171265329	Hoàng Thị	Hà	K17YCD	20/07/1992	7.0	Bảy	
19	171265330	Nguyễn Thị Bích	Hà	K17YCD	13/02/1993	6.3	Sáu Phẩy Ba	
20	171265331	Nguyễn Thị	Hà	K17YCD	10/03/1993	9.0	Chín	
21	171265332	Trương Tấn	Hải	K17YCD	05/09/1993	7.0	Bảy	
22	171265333	Nguyễn Thị Minh	Hải	K17YCD	04/06/1991	7.0	Bảy	
23	171265334	Ngô Thị	Hằng	K17YCD	01/08/1993	8.0	Tám	
24	171265335	Lê Thị	Hằng	K17YCD	06/03/1993	7.0	Bảy	
25	171265336	Phan Thị	Hằng	K17YCD	17/04/1993	8.0	Tám	
26	171268973	Trần Thị Thủy	Hằng	K17YCD	18/03/1993	6.0	Sáu	
27	171265337	Cao Thị	Hạnh	K17YCD	02/08/1993	9.0	Chín	
28	171265338	Đỗ Thị Mỹ	Hạnh	K17YCD	20/05/1993	5.5	Năm Phẩy Năm	
29	171265339	Mai Thị	Hảo	K17YCD	15/02/1993	7.0	Bảy	
30	171265340	Nguyễn Thị	Hậu	K17YCD	02/08/1993	3.3	Ba Phẩy Ba	
31	171265342	Trần Thị	Hiền	K17YCD	17/08/1992	8.0	Tám	
32	171265343	Đỗ Thị Như	Hiếu	K17YCD	12/08/1992	7.0	Bảy	
33	171265345	Chu Thị Khánh	Hoàn	K17YCD	21/10/1993	9.0	Chín	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 05/2014
NGÀNH : CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG
ÔN THI : MÔN 3 (KHOA HỌC MÁC _LÊNIN & TTHCM

Thời Gian: 8H00 - 18/05/2014

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
34	171265346	Trà Thị Kim	Hoàn	K17YCD	27/09/1993	9.0	Chín	
35	171265347	Phan Thị Thu	Huế	K17YCD	03/05/1993	8.0	Tám	
36	171265348	Lê Thị Thu	Hương	K17YCD	29/04/1993	7.0	Bảy	
37	171265349	Nguyễn Thị Hoài	Hương	K17YCD	22/12/1993	7.0	Bảy	
38	171265350	Nguyễn Thị	Hương	K17YCD	30/06/1993	9.0	Chín	
39	171265352	Bùi Thị	Huyền	K17YCD	29/02/1992	6.0	Sáu	
40	171265353	Trần Thị Thanh	Huyền	K17YCD	27/04/1993	9.0	Chín	
41	171265354	Trần Thị Ánh	Lành	K17YCD	21/05/1993	8.0	Tám	
42	171265355	Nguyễn Thị	Lịch	K17YCD	19/08/1993	8.0	Tám	
43	171265356	Nguyễn Thị Kim	Liên	K17YCD	20/04/1993	9.0	Chín	
44	171265357	Trương Thị Thu	Liễu	K17YCD	18/08/1993	8.0	Tám	
45	171265359	Ngô Thị Phương	Linh	K17YCD	25/02/1992	7.0	Bảy	
46	171265360	Lê Thị Hải	Lý	K17YCD	06/11/1993	7.0	Bảy	
47	171265361	Đinh Thị Thu	Lý	K17YCD	11/08/1992	8.0	Tám	
48	171265362	Lê Hà	Mi	K17YCD	01/05/1993	9.0	Chín	
49	171265363	Hoàng Văn	Nam	K17YCD	15/07/1993	8.0	Tám	
50	171265364	Nguyễn Thị Kiều	Nga	K17YCD	04/11/1993	8.0	Tám	
51	171265366	Đỗ Thị Thu	Nga	K17YCD	27/06/1992	7.5	Bảy Phẩy Năm	
52	171268970	Nguyễn Thị Thanh	Nga	K17YCD	12/06/1993	7.8	Bảy Phẩy Tám	
53	171268969	Nguyễn Thị	Ngân	K17YCD	27/11/1993	7.8	Bảy Phẩy Tám	
54	171265367	Hoàng Bích	Ngọc	K17YCD	08/01/1993	7.3	Bảy Phẩy Ba	
55	171268733	Trần Thị Như	Ngọc	K17YCD	23/06/1992	8.0	Tám	
56	171265368	Mai Thị Thảo	Nguyên	K17YCD	08/12/1993	8.0	Tám	
57	171265369	Huỳnh Nhật	Nguyên	K17YCD	16/04/1993	4.0	Bốn	
58	171268971	Lê Tự	Nguyên	K17YCD	29/03/1991	V	Vắng	
59	171265370	Đặng Minh	Nguyệt	K17YCD	01/12/1993	8.0	Tám	
60	171265371	Lê Thị	Nguyệt	K17YCD	24/10/1993	8.0	Tám	
61	171265372	Nguyễn Thị	Nhàn	K17YCD	04/08/1991	7.5	Bảy Phẩy Năm	
62	171265373	Trần Thị Hoàng	Nhi	K17YCD	20/09/1993	6.5	Sáu Phẩy Năm	
63	171265374	Võ Thị Kim	Nhung	K17YCD	06/02/1993	6.5	Sáu Phẩy Năm	
64	171265375	Trần Thị Thuỳ	Nhung	K17YCD	15/08/1993	9.0	Chín	
65	171265376	Đoàn Thị	Nhung	K17YCD	23/12/1993	9.0	Chín	
66	171265377	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	K17YCD	06/11/1993	9.0	Chín	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 05/2014
NGÀNH : CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG
ÔN THI : MÔN 3 (KHOA HỌC MÁC _LÊNIN & TTHCM

Thời Gian: 8H00 - 18/05/2014

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
67	171265378	H' Biêm	Niê	K17YCD	05/05/1991	9.0	Chín	
68	171265379	H Nãi	Niê	K17YCD	05/01/1990	9.0	Chín	
69	171265380	Lê Thị Hoài	Niệm	K17YCD	01/01/1993	7.0	Bảy	
70	171265381	Võ Thị Thanh	Nương	K17YCD	18/02/1993	8.0	Tám	
71	171265382	Trần Thị Kiều	Oanh	K17YCD	10/11/1993	9.0	Chín	
72	171265383	Nguyễn Thị Diễm	Phương	K17YCD	25/05/1993	8.5	Tám Phẩy Năm	
73	171265384	Dương Thị Thanh	Phương	K17YCD	17/09/1993	7.8	Bảy Phẩy Tám	
74	171265385	Trần Thị Minh	Phương	K17YCD	22/12/1993	1.0	Một	
75	171268735	Nguyễn Thị	Phương	K17YCD	15/11/1992	8.0	Tám	
76	171268972	Trương Thị Quỳnh	Phương	K17YCD	10/01/1993	7.5	Bảy Phẩy Năm	
77	171265386	Nguyễn Thị	Phượng	K17YCD	02/09/1992	8.0	Tám	
78	171326083	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	K17YCD	30/06/1993	4.0	Bốn	
79	171268736	Hà Văn	Sang	K17YCD	29/08/1993	4.0	Bốn	
80	171265387	Trương Thị	Tâm	K17YCD	04/09/1993	3.3	Ba Phẩy Ba	
81	171265388	Dương Ngọc Thanh	Tâm	K17YCD	10/04/1993	7.5	Bảy Phẩy Năm	
82	171265389	Nguyễn Thị Mỹ	Thạnh	K17YCD	09/04/1993	9.0	Chín	
83	171265390	Hồ Thị	Thạnh	K17YCD	12/12/1993	5.8	Năm Phẩy Tám	
84	171265391	Tô Nguyên	Thảo	K17YCD	14/12/1993	6.3	Sáu Phẩy Ba	
85	171265392	Hồ Thị Thu	Thảo	K17YCD	14/09/1993	7.5	Bảy Phẩy Năm	
86	171265393	Phan Thị	Thảo	K17YCD	26/11/1993	8.8	Tám Phẩy Tám	
87	171265314	Trần Thị Mai	Anh	K17YCD	02/10/1993	2.3	Hai Phẩy Ba	
88	171265394	Phan Thị	Thảo	K17YCD	10/02/1993	9.0	Chín	
89	171265396	Nguyễn Thị	Thuý	K17YCD	09/05/1993	5.8	Năm Phẩy Tám	
90	171265397	Đinh Thị Hồng	Thuỳ	K17YCD	28/09/1993	8.0	Tám	
91	171265398	Đặng Thị	Thúy	K17YCD	21/11/1993	7.0	Bảy	
92	171265399	Lê Văn	Tòng	K17YCD	17/05/1993	9.0	Chín	
93	171265401	Thái Thị Thùy	Trang	K17YCD	03/06/1993	9.0	Chín	
94	171265403	Nguyễn Hữu	Trí	K17YCD	06/12/1993	8.5	Tám Phẩy Năm	
95	171265404	Trần Thị Tuyết	Trinh	K17YCD	01/08/1993	8.3	Tám Phẩy Ba	
96	171265406	Nguyễn Thanh	Trung	K17YCD	02/09/1993	6.5	Sáu Phẩy Năm	
97	171265407	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	K17YCD	08/01/1992	6.0	Sáu	
98	171265408	Hồ Thị Lệ	Tuyết	K17YCD	25/04/1993	8.8	Tám Phẩy Tám	
99	171265409	Lâm Thị Phương	Uyên	K17YCD	01/01/1993	5.5	Năm Phẩy Năm	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 05/2014
NGÀNH : CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG
ÔN THI : MÔN 3 (KHOA HỌC MÁC _LÊNIN & TTHCM

Thời Gian: 8H00 - 18/05/2014

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
100	171265410	Phan Thị Ngọc	Uyên	K17YCD	05/03/1993	9.0	Chín	
101	171265411	Châu Thị	Vân	K17YCD	19/04/1993	8.0	Tám	
102	171265412	Nguyễn Thị Ái	Vân	K17YCD	26/09/1992	8.0	Tám	
103	171265413	Nguyễn Thị Ngọc	Vi	K17YCD	16/03/1993	9.0	Chín	
104	171265414	Trần Thế	Vinh	K17YCD	23/11/1993	3.0	Ba	
105	171265416	Trương Thị Xinh	Xinh	K17YCD	28/08/1993	6.0	Sáu	
106	171265417	Trần Thị	Yến	K17YCD	20/12/1993	8.0	Tám	
107	171265418	Hoàng Thị Hải	Yến	K17YCD	16/01/1991	8.0	Tám	
108	171265419	Nguyễn Thị	Yển	K17YCD	11/07/1993	9.0	Chín	
109	171265402	Đậu Thị Thuyên	Trang	K17YCD	06/08/1993	1.8	Một Phẩy Tám	

à Nẵng, ngày 28 tháng 05 năm 20

LẬP BẢNG | **TRƯỞNG BAN THƯ KÝ** | **T.HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNT**

TS. Nguyễn Phi Sơn | **TS. Võ Thanh Hải**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN **KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 05/2014**

HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN **IUYÊN NGÀNH : ANH VĂN BIÊN - PHIÊN DỊCH & DU LỊ(**

ÍÔN THI : MÔN 3 (KHOA HỌC MÁC _LÊNIN & TTHCM)

Thời Gian: 13H00 - 18/05/2014

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	162614965	Võ Thanh	An	K16NAB1	24/08/1992	8.0	Tám	
2	162617115	Lê Thị Vân	Anh	K16NAB1	02/06/1992	5.8	Năm Phẩy Tám	
3	162614966	Nguyễn Thị Vân	Anh	K16NAB1	02/03/1992	7.8	Bảy Phẩy Tám	
4	162614967	Chu Thị Đức	Ánh	K16NAB1	11/11/1992	8.0	Tám	
5	162614968	Tô Mỹ Quỳnh	Châu	K16NAB1	19/12/1992	8.5	Tám Phẩy Năm	
6	162614969	Hoàng Thị Hạ	Đoan	K16NAB1	30/09/1992	7.0	Bảy	
7	162614970	Trần Thị ánh	Dung	K16NAB1	11/11/1990	8.5	Tám Phẩy Năm	
8	162614972	Dương Nữ Kỳ	Duyên	K16NAB1	16/07/1992	8.0	Tám	
9	162614973	Lương Thị	Duyên	K16NAB1	15/10/1992	8.5	Tám Phẩy Năm	
10	162614974	Nguyễn Thị Minh	Hằng	K16NAB1	18/06/1991	7.5	Bảy Phẩy Năm	
11	162614975	Phan Xuân Hoàng	Hạnh	K16NAB1	31/10/1992	7.0	Bảy	
12	162527479	Nguyễn Thị Thu	Hiền	K16NAB1	18/05/1992	8.5	Tám Phẩy Năm	
13	162617116	Trần Thuý	Hiền	K16NAB1	26/10/1992	7.5	Bảy Phẩy Năm	
14	162614976	Nguyễn Thị	Hoa	K16NAB1	14/02/1992	8.0	Tám	
15	162735069	Phan Thị Khánh	Hoà	K16NAB1	12/09/1991	6.8	Sáu Phẩy Tám	
16	162614977	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	K16NAB1	23/12/1992	8.0	Tám	
17	162614979	Đỗ Thị Mai	Hương	K16NAB1	01/01/1992	8.0	Tám	
18	162614978	Huỳnh Ngọc	Hương	K16NAB1	01/01/1992	5.5	Năm Phẩy Năm	
19	162625029	Huỳnh Thị Diệu	Khuyên	K16NAB1	26/06/1992	5.5	Năm Phẩy Năm	
20	162614983	Hồ Thị Lin	Lin	K16NAB1	10/09/1992	8.0	Tám	
21	162143124	Nguyễn Thị	Luyến	K16NAB1	08/04/1992	8.3	Tám Phẩy Ba	
22	162614985	Phạm Ngọc	Mai	K16NAB1	15/10/1991	6.5	Sáu Phẩy Năm	
23	162614986	Nguyễn Thị Lê	Minh	K16NAB1	01/04/1992	8.3	Tám Phẩy Ba	
24	162625036	Phạm Công	Minh	K16NAB1	06/01/1992	6.3	Sáu Phẩy Ba	
25	162614988	Nguyễn Khánh	My	K16NAB1	22/10/1992	9.0	Chín	
26	162614990	Trần Thị Lệ	Mỹ	K16NAB1	20/06/1990	8.3	Tám Phẩy Ba	
27	162614991	Nguyễn Thị Thanh	Nga	K16NAB1	21/11/1989	6.0	Sáu	
28	162614992	Hoàng Nữ Thuỳ	Ngân	K16NAB2	05/11/1991	6.0	Sáu	
29	162616556	Nguyễn Thị Kim	Ngân	K16NAB2	14/08/1992	7.3	Bảy Phẩy Ba	
30	162614993	Nguyễn Thị	Ngọ	K16NAB2	08/04/1990	5.5	Năm Phẩy Năm	
31	162614995	Trương Thiện	Nhẫn	K16NAB2	15/11/1992	5.5	Năm Phẩy Năm	
32	162614996	Trần Quỳnh	Nhi	K16NAB2	24/10/1992	5.5	Năm Phẩy Năm	
33	162617118	Võ Thị Lê	Sa	K16NAB2	17/08/1991	7.0	Bảy	
34	162615003	Phan Đình	Thạch	K16NAB2	22/12/1991	6.0	Sáu	

35	**161326475**	Nguyễn Thị Phương	**Thảo**	K16NAB2	10/07/1992	**6.0**	**Sáu**	
36	**162615004**	Nguyễn Thị Thanh	**Thảo**	K16NAB2	17/05/1991	**6.0**	**Sáu**	
37	**162615007**	Trần Thị Thu	**Thảo**	K16NAB2	04/09/1992	**6.5**	**Sáu Phẩy Năm**	
38	**162615008**	Lâm Quốc	**Thịnh**	K16NAB1	04/07/1992	**7.0**	**Bảy**	
39	**162615009**	Nguyễn Thị Bích	**Thu**	K16NAB2	18/02/1991	**7.0**	**Bảy**	
40	**162615010**	Kiều Hoài	**Thương**	K16NAB2	15/05/1992	**7.5**	**Bảy Phẩy Năm**	
41	**162615011**	Hồ Thị Thanh	**Thủy**	K16NAB2	16/04/1991	**8.0**	**Tám**	
42	**162615012**	Lê Thiên	**Trân**	K16NAB2	22/02/1991	**6.0**	**Sáu**	
43	**162627625**	NGÔ THỊ THU	**TRANG**	K16NAB1	01/01/1991	**8.0**	**Tám**	
44	**152614380**	Nguyễn Mai Huyền	**Trang**	K16NAB2	15/10/1991	**V**	**Vắng**	
45	**162617027**	Võ Thị Như	**Tuyết**	K16NAB2	16/01/1992	**9.0**	**Chín**	
46	**162615014**	Phan Tại Phương	**Uyên**	K16NAB2	27/07/1992	**6.0**	**Sáu**	
47	**162615013**	Bùi Nguyễn Thảo	**Uyên**	K16NAB2	25/06/1992	**5.5**	**Năm Phẩy Năm**	
48	**162617065**	Lê Đặng Phương	**Uyên**	K16NAB2	27/06/1991	**5.5**	**Năm Phẩy Năm**	
49	**162615015**	Trần Thiên	**Vũ**	K16NAB2	11/10/1992	**5.5**	**Năm Phẩy Năm**	
50	**162616855**	Trần Nhật	**Vy**	K16NAB2	09/06/1992	**6.0**	**Sáu**	
51	**162615017**	Trần Thị	**Yến**	K16NAB2	08/11/1991	**6.0**	**Sáu**	
52	**162625045**	Nguyễn Bá	**Phước**	K16NAD2	29/05/1991	**7.5**	**Bảy Phẩy Năm**	
53	**162625046**	Lê Quang Thảo	**Phương**	K16NAD2	12/10/1992	**6.0**	**Sáu**	
54	**162625047**	Nguyễn Thị Uyên	**Phương**	K16NAD2	17/08/1992	**7.0**	**Bảy**	
55	**162625048**	Nguyễn Thị Quỳnh	**Phương**	K16NAD2	31/10/1992	**6.0**	**Sáu**	
56	**162625049**	Võ Thị Kim	**Phượng**	K16NAD2	11/09/1992	**6.0**	**Sáu**	
57	**162625050**	Nguyễn Lương Thuý	**Quỳnh**	K16NAD2	22/04/1992	**7.0**	**Bảy**	
58	**162616964**	Đặng Xuân	**Thảo**	K16NAD2	17/03/1992	**6.5**	**Sáu Phẩy Năm**	
59	**162625052**	Dư Thị Bích	**Thảo**	K16NAD2	17/01/1991	**6.5**	**Sáu Phẩy Năm**	
60	**152625786**	Lại Thị Kim	**Thoa**	K16NAD2	05/04/1991	**8.0**	**Tám**	
61	**162627120**	Lê Thị Bích	**Thuỷ**	K16NAD2	26/12/1992	**8.5**	**Tám Phẩy Năm**	
62	**162625053**	Trần Thị Thuỳ	**Trâm**	K16NAD2	21/12/1991	**6.8**	**Sáu Phẩy Tám**	
63	**162625054**	Ngô Thị Bích	**Trâm**	K16NAD2	15/09/1992	**7.5**	**Bảy Phẩy Năm**	
64	**162625056**	Đỗ Thị Thùy	**Trang**	K16NAD2	06/10/1991	**5.5**	**Năm Phẩy Năm**	
65	**162627286**	Phạm Thị Phương	**Trinh**	K16NAD2	29/11/1992	**5.5**	**Năm Phẩy Năm**	
66	**162625057**	Nguyễn Tiểu	**Trúc**	K16NAD2	13/12/1992	**5.5**	**Năm Phẩy Năm**	
67	**162625058**	Nguyễn Đình	**Trung**	K16NAD2	30/04/1992	**5.5**	**Năm Phẩy Năm**	
68	**162625060**	Phạm Thanh	**Tùng**	K16NAD2	26/02/1992	**7.5**	**Bảy Phẩy Năm**	
69	**162625061**	Trần Vi	**Vi**	K16NAD2	05/10/1992	**8.0**	**Tám**	
70	**162625062**	Phạm Thị Tường	**Vi**	K16NAD2	03/03/1992	**5.5**	**Năm Phẩy Năm**	
71	**162626559**	Lê Nho	**Việt**	K16NAD2	20/04/1992	**7.5**	**Bảy Phẩy Năm**	
72	**162625063**	Trình Duy	**Vinh**	K16NAD2	01/01/1991	**1.0**	**Một**	
73	**162627206**	Hoàng Thị Anh	**Đào**	K16NAD1	21/04/1992	**5.5**	**Năm Phẩy Năm**	

74	**162625020**	Nguyễn Văn Tiến	**Đạt**	K16NAD1	21/12/1992	**5.5**	**Năm Phẩy Năm**	
75	**162627441**	Nguyễn Thị Huyền	**Diệu**	K16NAD1	05/02/1991	**6.0**	**Sáu**	
76	**162625022**	Nguyễn Minh	**Đức**	K16NAD1	10/03/1992	**6.5**	**Sáu Phẩy Năm**	
77	**162625023**	Phan Thị Lan	**Dung**	K16NAD1	31/08/1991	**6.0**	**Sáu**	
78	**162625024**	Phùng Thị Linh	**Giang**	K16NAD1	22/03/1991	**5.5**	**Năm Phẩy Năm**	
79	**162625025**	Nguyễn Thị	**Hằng**	K16NAD1	22/02/1992	**7.0**	**Bảy**	
80	**162627507**	Phùng Thị	**Hạnh**	K16NAD1	01/06/1992	**6.0**	**Sáu**	
81	**162625026**	Nguyễn Trọng	**Hiển**	K16NAD1	27/10/1991	**6.3**	**Sáu Phẩy Ba**	
82	**162625028**	Trần Thị	**Khuyên**	K16NAD1	08/05/1992	**6.3**	**Sáu Phẩy Ba**	
83	**162625030**	Lương Thị	**Lệ**	K16NAD1	30/08/1991	**6.0**	**Sáu**	
84	**162625031**	Chế Thị Tú	**Linh**	K16NAD1	23/05/1992	**6.5**	**Sáu Phẩy Năm**	
85	**162146663**	Huỳnh Thị Ly	**Ly**	K16NAD1	07/04/1992	**6.5**	**Sáu Phẩy Năm**	
86	**162625035**	Nguyễn Thị	**Lý**	K16NAD1	01/01/1990	**7.5**	**Bảy Phẩy Năm**	
87	**162625037**	Nguyễn Thị Kim	**Minh**	K16NAD1	20/06/1991	**6.5**	**Sáu Phẩy Năm**	
88	**162614987**	Lê Thị	**Mơ**	K16NAD1	20/11/1991	**7.0**	**Bảy**	
89	**162625040**	Lê Thị Bích	**Ngọc**	K16NAD1	12/04/1991	**6.0**	**Sáu**	
90	**162626966**	Nguyễn Thị Tuyết	**Nhân**	K16NAD2	22/09/1991	**8.5**	**Tám Phẩy Năm**	
91	**162625041**	Huỳnh Thị Uyên	**Nhi**	K16NAD2	13/06/1992	**7.5**	**Bảy Phẩy Năm**	
92	**162627326**	Lê Thị Hoàng	**Ni**	K16NAD2	01/01/1992	**7.0**	**Bảy**	
93	**152624419**	Nguyễn Thị Diệu	**Hiền**	K15NAD1	10/08/1990	**5.5**	**Năm Phẩy Năm**	
94	**152624423**	Mai Anh	**Thi**	K15NAD2	17/04/1991	**6.0**	**Sáu**	
95	**152624425**	Phạm Phú	**Trung**	K15NAD2	19/04/1991	**5.5**	**Năm Phẩy Năm**	
96	**152624418**	Phạm Thị Thanh	**Thảo**	K15NAD2	23/02/1990	**6.8**	**Sáu Phẩy Tám**	

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 05 năm 2014

LẬP BẢNG **TRƯỞNG BAN THƯ KÝ** **CT.HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN**

TS. Nguyễn Phi Sơn **TS. Võ Thanh Hải**